

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BỘ NGOẠI GIAO**

**HỌC VIỆN NGOẠI GIAO**

---

**NGUYỄN MINH ĐỨC**

**NGOẠI GIAO PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ  
Ở VIỆT NAM THỜI KỲ ĐỔI MỚI**

**Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế**

**Mã số: 9310206**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

**Hà Nội – 2020**

**Công trình được hoàn thành tại: HỌC VIỆN NGOẠI GIAO**

**Người hướng dẫn khoa học:**

PGS. TS Nguyễn Thị Quế

GS. TS Nguyễn Thái Yên Hương

**Phản biện 1:** .....

**Phản biện 2:** .....

**Phản biện 3:** .....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện  
họp tại Học viện Ngoại giao.

Vào hồi    giờ    ngày    tháng    năm

Có thể tìm hiểu luận án tại

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Học viện Ngoại giao.

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Hoạt động ngoại giao của bất kỳ nước nào cũng nhằm phục vụ ba mục tiêu cơ bản là: i) Góp phần bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; ii) Tranh thủ và tạo những điều kiện quốc tế thuận lợi để phát triển đất nước; iii) Nâng cao vị thế, mở rộng ảnh hưởng trên trường quốc tế. Trong bối cảnh toàn cầu hóa (TCH) hiện nay, tất cả các quốc gia phát triển cũng như đang phát triển đều đứng trước thách thức về tự hậu. Do đó, ưu tiên cho phát triển kinh tế luôn được các quốc gia đặt lên hàng đầu và hoạt động ngoại giao phải phục vụ ưu tiên này.

Ngoại giao Việt Nam là một hoạt động tổng hợp, trong đó có nhiệm vụ phục vụ phát triển kinh tế. Trên thực tế hơn 30 năm Đổi mới, hoạt động ngoại giao đã phát triển toàn diện cả về bề rộng lẫn chiều sâu, đóng góp quan trọng vào thành công chung trên tất cả các lĩnh vực của đất nước. Ngoại giao Việt Nam đã khẳng định được mình trong vai trò “Ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế”. Trong thời kỳ hội nhập quốc tế hiện nay, vai trò của ngành Ngoại giao lại càng trở nên quan trọng hơn. Công tác ngoại giao kinh tế (NGKT) đã và đang trở thành một trong những trọng tâm ưu tiên của ngành Ngoại giao. Thách thức đặt ra đối với ngành Ngoại giao là phải tiếp tục mở rộng quan hệ quốc tế, tạo dựng môi trường thông thoáng, thuận lợi cho phát triển kinh tế đất nước nhưng đồng thời phải bảo đảm an ninh, chính trị. Việc nghiên cứu, phân tích thực trạng hoạt động ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế trong thời kỳ Đổi mới là cơ sở giúp ngành Ngoại giao đưa ra những giải pháp kịp thời, khắc phục những hạn chế và vượt qua thách thức để đem lại hiệu quả phát triển kinh tế lớn hơn trong thời gian tới.

Đó là những lý do tác giả chọn đề tài “*Ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế ở Việt Nam thời kỳ Đổi mới*” để làm luận án tiến sĩ chuyên ngành Quan hệ quốc tế.

### 2. Tình hình nghiên cứu đề tài

#### 2.1. Tình hình nghiên cứu ở trong nước

##### 2.1.1. Những công trình, tài liệu đề cập đến cơ sở lý luận về ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế (NGPVKT)

Về khái niệm NGPVKT: theo Nghị định số 08/2003/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động của Cơ quan đại diện nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ở nước ngoài phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế đã nêu NGKT là “hoạt động thúc đẩy kinh tế đối ngoại, bảo vệ lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân Việt Nam” [21].

*Nhận thức về hoạt động NGKT của một số nước trên thế giới:* Theo “Tài liệu tham

*khảo đặc biệt: Nhật Bản với chính sách ‘Ngoại giao kinh tế’*” của Thông tấn xã Việt Nam (2006), chính sách đối ngoại của Nhật Bản từ đầu thập niên 60 của thế kỷ XX được đặc trưng bởi chính sách NGKT phục vụ nhu cầu đuổi kịp và vượt các nước phát triển khác.

*2.1.2. Những công trình, tài liệu đề cập đến tình hình thế giới, khu vực và trong nước tác động đến việc hoạch định chính sách đối ngoại nhằm mục tiêu ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế ở Việt Nam thời kỳ Đổi mới*

Tiêu biểu là cuốn sách *“Thế giới trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI”* của Nguyễn Duy Quý, Nxb Chính trị Quốc gia (2002). Cuốn sách đã chỉ ra những cơ hội và thách thức đối với Việt Nam dưới tác động sâu rộng của quá trình TCH, sự chuyển đổi nhanh chóng của cách mạng khoa học-công nghệ (KH-CN), trước sự cạnh tranh khốc liệt về thị trường, phạm vi ảnh hưởng giữa các nước lớn và chịu sự chống phá của các thế lực thù địch. Đây là những dữ liệu quan trọng, làm cơ sở để Việt Nam hoạch định chính sách đối ngoại nhằm hội nhập quốc tế nhưng vẫn bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, nền độc lập của dân tộc.

*2.1.3. Những công trình nghiên cứu, tài liệu về chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam nhằm mục tiêu NGPVKT ở Việt Nam thời kỳ Đổi mới*

Tiêu biểu là cuốn sách *“Chính sách đối ngoại đổi mới của Việt Nam (1986-2010)”* của Phạm Quang Minh, Nxb Thế giới (2012), đã trình bày một cách hệ thống đường lối, chính sách đối ngoại đổi mới của Đảng từ Đại hội VI đến Đại hội XI. Trên cơ sở đó, tác giả đánh giá việc thực hiện chính sách đối ngoại đổi mới phục vụ phát triển kinh tế ở Việt Nam với những kết quả đạt được là hết sức to lớn, nhưng đồng thời cũng chỉ ra những hạn chế mà Việt Nam còn gặp phải trong quá trình triển khai thực hiện và rút ra những bài học kinh nghiệm.

*2.1.4. Những công trình nghiên cứu, tài liệu liên quan đến việc triển khai chính sách đối ngoại của Việt Nam để phục vụ phát triển kinh tế thời kỳ Đổi mới*

Tiêu biểu như cuốn sách *“Định hướng chiến lược đối ngoại Việt Nam đến năm 2020”* của Phạm Bình Minh, Nxb Chính trị Quốc gia (2010), bao gồm các bài viết của các tác giả với những dự báo về chiều hướng của đối ngoại Việt Nam theo hướng đa phương, đa dạng; *“Chính sách đối ngoại Việt Nam thời kỳ Đổi mới”* của Nguyễn Hoàng Giáp, Nguyễn Thị Quế, Nxb Lý luận Chính trị (2013), đã trình bày quá trình triển khai chính sách đối ngoại trong quan hệ song phương và đa phương của Việt Nam thời kỳ Đổi mới. Từ đó kiến nghị các giải pháp nhằm tăng cường quan hệ đối ngoại của Việt Nam trong thời gian tới để mang lại hiệu quả cao nhất phục vụ phát triển kinh tế ở Việt Nam thời kỳ Đổi mới.

*2.1.3. Quan điểm của ĐCS Việt Nam và của ngành Ngoại giao về NGPVKT*

Theo Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về hội nhập kinh tế quốc tế, “Hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Mọi cơ chế, chính sách phải phát huy tính chủ động, tích cực và khả năng sáng tạo của tất cả các tổ chức, cá nhân, khai thác hiệu quả các tiềm năng của toàn xã hội, của các tầng lớp nhân dân, bao gồm cả cộng đồng người Việt Nam đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [8]. Đối với ngành Ngoại giao, quan điểm về NGPVKT đã hình thành từ thời kỳ đất nước chưa thống nhất. Qua 30 Hội nghị Ngoại giao, tiến triển về nhận thức và công tác triển khai hoạt động NGPVKT của Bộ Ngoại giao ngày càng sâu rộng và có chất lượng. Tại Hội nghị Ngoại giao 30, Bộ Ngoại giao đã nhấn mạnh và đưa ra “nhiều giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động ngoại giao trên các trụ cột: Chính trị - Kinh tế và ngoại giao đa phương, biên giới lãnh thổ, văn hóa, thông tin đối ngoại, công tác người Việt Nam ở nước ngoài và bảo hộ công dân” [23].

## **2.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài**

Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài liên quan đến NGPVKT ở Việt Nam thời kỳ đổi chủ yếu tập trung đề cập đến sự thay đổi của tình hình thế giới và khu vực tác động đến việc hoạch định chính sách đối ngoại của Việt Nam, đặc biệt là quan hệ của Việt Nam với các nước, nhất là quan hệ với các nước lớn để phát triển kinh tế của Việt Nam. Tiêu biểu như: “*Vietnamese Foreign Policy in Transition (Chính sách ngoại giao Việt Nam trong sự chuyển đổi)*” của Carlyle A. Thayer và Ramses Amer, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Singapore (1999), cho rằng chính sách đối ngoại của Việt Nam đang chuyển từ mô hình chính sách đối ngoại nặng về hệ tư tưởng sang mô hình lấy lợi ích quốc gia làm trọng tâm, nhấn mạnh tính chất đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ đối ngoại và là một quá trình dài có nhiều điều chỉnh. Vấn đề bình thường hóa quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ, Việt Nam - Trung Quốc trong quá khứ, hiện tại, tương lai và triển vọng trong thế kỷ XXI cũng được đề cập trong công trình này.

## **2.3. Nhận xét kết quả các công trình đã nghiên cứu liên quan đến luận án và những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu**

### **2.3.1. Nhận xét kết quả các công trình đã nghiên cứu liên quan đến luận án**

Những công trình nghiên cứu ở trong nước và nước ngoài đã đề cập trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến nhiều nội dung của đề tài luận án. Tựu chung, các công trình trên có những nội dung sau đây: Một là, đề cập đến bối cảnh tình hình quốc tế, khu vực và trong nước, làm cơ sở để Đảng, Nhà nước Việt Nam hoạch định chính sách đối ngoại trong

thời kỳ đổi mới. Trong đó, hoạt động NGPVKT ở Việt Nam thời kỳ đổi mới. *Hai là*, nghiên cứu về nội dung NGPVKT ở Việt Nam thời kỳ đổi mới; luận giải sự cần thiết phải đổi mới đường lối đối ngoại, trong đó có NGPVKT, cho phù hợp với bối cảnh quốc tế, khu vực và tình hình Việt Nam. *Ba là*, nghiên cứu quá trình triển khai chính sách NGPVKT của Việt Nam cả trên bình diện song phương và đa phương. *Bốn là*, trên cơ sở đường lối đối ngoại đổi mới, sự phát triển vượt bậc của quan hệ đối ngoại Việt Nam để phục vụ phát triển kinh tế thời gian qua.

### 2.3.2. Những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu

Những công trình nghiên cứu nêu trên đã tiếp cận NGPVKT của Việt Nam thời kỳ Đổi mới ở nhiều góc độ và mức độ khác nhau, cung cấp nhiều dữ liệu quan trọng cho tác giả luận án tham khảo, kế thừa để hoàn thành mục đích và nhiệm vụ đặt ra của luận án. Tuy nhiên, chưa có một công trình nào đi sâu vào phân tích cũng như luận chứng một cách tổng hợp, hệ thống về NGPVKT ở Việt Nam thời kỳ Đổi mới.

Do vậy, luận án sẽ tiếp tục nghiên cứu để làm rõ ngành Ngoại giao có vai trò, vị trí như thế nào trong hoạt động NGPVKT từ năm 1986 đến năm 2019, với những nội dung nghiên cứu để trả lời các câu hỏi sau: *Một là*, Khái niệm và nhận thức về NGPVKT? mục tiêu, yêu cầu, phương châm và nhiệm vụ công tác NGPVKT ở Việt Nam thời kỳ Đổi mới là gì? *Hai là*, Quá trình hoạt động của Bộ Ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay qua 2 giai đoạn diễn ra như thế nào? *Ba là*, Đánh giá về hoạt động NGPVKT ở Việt Nam từ năm 1986 đến năm 2019, đồng thời dự báo về tình hình thế giới, khu vực và trong nước đến năm 2030 tác động đến NGPVKT. Qua đó, luận án nêu lên định hướng và đề xuất các giải pháp thúc đẩy hoạt động NGPVKT đến năm 2030 như thế nào?

## 3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

### 3.1. Mục tiêu

Luận án sẽ phân tích và làm rõ vai trò của ngành Ngoại giao trong hoạt động NGPVKT từ năm 1986 đến năm 2019. Qua đó, luận án rút ra đánh giá, định hướng và đề xuất những giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động NGPVKT ở Việt Nam đến năm 2030.

### 3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn về hoạch định hoạt động NGPVKT ở Việt Nam thời kỳ Đổi mới.
- Phân tích nội dung hoạt động NGPVKT ở Việt Nam thời kỳ Đổi mới.
- Phân tích thực trạng hoạt động NGPVKT của Bộ Ngoại giao từ 1986 đến 2019.

- Rút ra đánh giá về hoạt động NGPVKT của Bộ Ngoại giao từ 1986 đến 2019, từ đó nêu lên định hướng và đề xuất những giải pháp thúc đẩy hoạt động NGPVKT ở Việt Nam đến năm 2030.

## **4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu**

### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận án là: *Hoạt động ngoại giao của Bộ Ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế ở Việt Nam thời kỳ Đổi mới.*

### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Về không gian nghiên cứu: NGPVKT ở Việt Nam thời kỳ Đổi mới có nhiều bộ, ban, ngành và địa phương tham gia, nhưng luận án chỉ giới hạn nghiên cứu về *hoạt động NGPVKT ở Việt Nam của Bộ Ngoại giao.*

- Về nội dung nghiên cứu: Thực trạng quá trình hoạt động của Bộ Ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế ở Việt Nam từ năm 198-2019, được chia thành 2 giai đoạn:

+ *Giai đoạn 1986-2003*: đây là giai đoạn Việt Nam tiến hành Đổi mới, hội nhập kinh tế quốc tế. Luận án sẽ phân tích và làm rõ vai trò, vị trí của Bộ Ngoại giao trong triển khai các hoạt động NGPVKT giai đoạn này, cụ thể: i) Góp phần hoạch định đường lối đối ngoại, các chủ trương, chính sách kinh tế đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại, hội nhập kinh tế thế giới và khu vực (và xây dựng thể chế trong thời kỳ mới); ii) Đẩy lùi chính sách bao vây cấm vận về kinh tế với Việt Nam; iii) Mở rộng quan hệ song phương và tích cực, chủ động tham gia các thể chế đa phương khu vực và toàn cầu; iv) Công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài;

+ *Giai đoạn 2004-2019*: đây là giai đoạn Việt Nam đẩy mạnh đổi mới toàn diện và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Luận án sẽ phân tích và làm rõ vai trò, vị trí của Bộ Ngoại giao trong triển khai các hoạt động NGPVKT giai đoạn này, cụ thể: i) Hình thành đường lối, chính sách và các chủ trương lớn về đối ngoại; ii) Mở rộng, củng cố quan hệ quốc tế; iii) Triển khai chủ trương hội nhập quốc tế, đẩy mạnh hoạt động trên các diễn đàn đa phương; iv) Góp phần đẩy mạnh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; v) Công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài.

- Về thời gian nghiên cứu: Từ năm 1986 đến năm 2019, trong đó năm 1986 là năm Việt Nam bước vào thời kỳ Đổi mới, đặc biệt là sự đổi mới tư duy đối ngoại; năm 2019 là năm sau 35 đổi mới đất nước, cũng như kết thúc thập niên thứ 2 của thế kỷ XX.

## **5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

- Luận án dựa trên phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về thời đại, về quan điểm quốc tế, về vấn đề dân tộc và quyền tự quyết dân tộc, về độc lập dân tộc và CNXH, về chính sách đối ngoại được Đảng và Nhà nước Việt Nam đề ra từ Đại hội VI đến Đại hội XII và sự tiến triển trong nhận thức về NGPVKT qua các Hội nghị Ngoại giao. Tác giả coi đây là nguồn cung cấp những căn cứ lý luận, khoa học và thực tiễn giúp cho định hướng tư tưởng khi nghiên cứu đề tài luận án.

- Luận án chủ yếu sử dụng các phương pháp nghiên cứu về quan hệ quốc tế như: Phương pháp lô-gíc, lịch sử, phân tích, tổng hợp, dự báo, chuyên gia.

- Mọi nhận định, đánh giá trong luận án sẽ được xây dựng trên cơ sở phân tích, khái quát những dữ liệu thực tế, những văn kiện, tư liệu gốc được thông qua tại các đại hội, hội nghị của ĐCS Việt Nam diễn ra từ năm 1986 đến năm 2019, cũng như sự tiến triển trong nhận thức về NGPVKT qua 30 Hội nghị Ngoại giao, đồng thời luận án kế thừa một cách có chọn lọc những kết quả của các công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài luận án.

## **6. Đóng góp của luận án**

Luận góp phần làm rõ nhận thức đúng đắn về vai trò của ngành Ngoại giao Việt Nam phục vụ phát triển kinh tế. Đồng thời luận án cũng là một tài liệu tổng hợp, rút ra (đúc rút) một số kinh nghiệm thực tiễn về ngoại giao phục vụ phát triển của Việt Nam từ năm 1986 đến năm 2019.

Mặt khác, những kết quả nghiên cứu của luận án cũng góp phần vào việc thực hiện chủ trương của Đảng về tổng kết công tác lý luận và thực tiễn thời kỳ đổi mới. Đồng thời, luận án còn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu, giảng dạy, nâng cao kiến thức cho đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại, giáo dục tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách quan hệ quốc tế và đường lối đối ngoại của Đảng hiện nay nói chung và NGPVKT nói riêng.

## **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, Luận án chia thành 3 Chương: i) Chương 1: Cơ sở hoạch định và nội dung hoạt động NGPVKT ở Việt Nam thời kỳ đổi mới; ii) Chương 2: Quá trình hoạt động NGPVKT ở Việt Nam thời kỳ đổi mới (1986-2019). ii) Chương 3: Nhận xét, định hướng và giải pháp thúc đẩy hoạt động NGPVKT ở Việt Nam đến 2030.

## Chương 1

# CƠ SỞ HOẠCH ĐỊNH VÀ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG NGOẠI GIAO PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở VIỆT NAM THỜI KỲ ĐỔI MỚI

### 1.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn về ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế

#### 1.1.1. Cơ sở lý luận

##### 1.1.1.1. Những khái niệm và nhận thức về NGPVKT của một số nước

*Khái niệm về ngoại giao:* Ngoại giao (diplomacy) có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp (diplom). Mặc dù đã xuất hiện từ rất lâu, song khái niệm ngoại giao đến nay được hiểu khá khác nhau. *Loại định nghĩa thứ nhất*, thiên về hình thức ngoại giao, cho rằng: ngoại giao chủ yếu là đàm phán. *Loại định nghĩa thứ hai*, chủ yếu nhấn mạnh công năng của ngoại giao, cho rằng công năng của ngoại giao chủ yếu là xử lý quan hệ quốc gia và công việc quốc tế. *Loại định nghĩa thứ ba* chủ yếu nhấn mạnh mặt bản chất của ngoại giao, cho rằng ngoại giao là một loại hành vi đối ngoại quốc gia có chủ quyền. Ở Việt Nam, Từ điển Tiếng Việt năm 1996 định nghĩa: “Ngoại giao là sự giao thiệp với nước ngoài để bảo vệ quyền lợi của quốc gia mình và góp phần giải quyết những vấn đề quốc tế chung”. Trong từ điển Hán ngữ hiện đại (tái bản năm 2002), “Ngoại giao là hoạt động của một nước trong phương diện quan hệ quốc tế, như tham gia tổ chức và hội nghị quốc tế, cử đại sứ, tiến hành đàm phán, ký kết điều ước và hiệp định...” [80, tr. 59].

*Khái niệm NGKT:* Ngoại giao với những mục tiêu kinh tế đã ra đời từ rất sớm, có ngoại giao là có kinh tế và ngược lại. Từ rất lâu, nhiều quốc gia trên thế giới đã coi việc theo đuổi các lợi ích kinh tế là mục tiêu cốt lõi trong hoạt động ngoại giao. Chính phủ Việt Nam có quan điểm: NGKT là các hoạt động ngoại giao “*nhằm thúc đẩy thương mại, hợp tác đầu tư, hợp tác KHCN, du lịch, lao động, dịch vụ, thu hút ngoại tệ, bảo vệ lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động kinh tế đối ngoại*” [21]. Với ngành Ngoại giao, “*NGKT là một trong 3 trụ cột của ngoại giao Việt Nam, đó là NGKT, ngoại giao chính trị và ngoại giao văn hóa. NGKT hiểu đơn giản là các hoạt động ngoại giao đóng góp vào việc phát triển đất nước, từ việc xây dựng quan hệ tốt với các nước, mở rộng hợp tác kinh tế đến hỗ trợ cho các bộ ngành, địa phương, doanh nghiệp, các hoạt động kinh tế cụ thể*” [131]. Qua nghiên cứu và tóm lược các quan điểm, định nghĩa về NGKT ở trong và ngoài nước, tác giả luận án xin đưa ra khái niệm NGKT là các hoạt động ngoại giao đóng góp vào việc phát triển đất nước: từ việc xây dựng quan hệ tốt với các nước nhằm thúc đẩy thương mại, hợp tác đầu tư, hợp tác

*KHCN, du lịch, lao động, dịch vụ, thu hút ngoại tệ, bảo vệ lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động kinh tế đối ngoại, đến hỗ trợ cho các bộ ngành, địa phương, doanh nghiệp và các hoạt động kinh tế cụ thể khác.*

*Nhận thức về hoạt động NGKT của các nước trên thế giới:* Để làm rõ nội dung này, luận án xin trình bày dưới đây nhận thức của một số nước để làm ví dụ điển hình, gồm: *Nhật Bản, Hoa Kỳ, Ấn Độ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan, Philippines.* Đây là các nước nằm trong khu vực CATBD, có tính điển hình về NGPVKT và tương đồng với Việt Nam, cụ thể: *Với Hoa Kỳ:* Chính sách NGKT của Hoa Kỳ dưới thời Tổng thống Trump là chiến tranh thương mại như một công cụ NGKT. *Với Ấn Độ:* Tại Hội nghị Đảng Quốc đại Ấn Độ (tháng 11/1991), Thủ tướng Ấn Độ N. Rao nhấn mạnh: “Trong bối cảnh Ấn Độ tiến hành tự do hoá và toàn cầu hoá nền kinh tế, nội dung và nhiệm vụ hàng đầu của ngoại giao là phục vụ phát triển kinh tế” [100, tr. 44]. *Với Trung Quốc:* Trung Quốc đẩy mạnh NGKT theo phương châm “kinh tế xúc tiến chính trị, chính trị hướng dẫn và mở đường cho kinh tế, chính trị và kinh tế hợp tác cùng phát triển”. NGKT trở thành nhân tố được ưu tiên hơn ngoại giao chính trị và ngoại giao an ninh. Trong thời gian gần đây, Trung Quốc tập trung, đẩy mạnh thực hiện “Sáng kiến Vành đai và Con đường” (One Belt, One Road) và coi đây như một biện pháp triển khai chính sách NGKT của mình. *Với Hàn Quốc:* Sau chiến tranh lạnh, chính sách NGKT của Hàn Quốc cũng được theo đuổi tích cực nhằm tăng cường thịnh vượng cho đất nước. *Với Thái Lan:* Chính sách NGKT của Thái Lan đáng chú ý là chính sách “can dự trước” được thực hiện do chính quyền của Thủ tướng Thaksin đề ra. *Với Philippines:* Philippines coi NGKT là một trong 3 trụ cột của chính sách đối ngoại.

NGKT có quan hệ hữu cơ, tác động qua lại và gắn bó chặt chẽ với ngoại giao chính trị và ngoại giao văn hóa, vừa có tác động bổ sung, hỗ trợ, vừa chia sẻ nguồn lực cho nhau.

#### *1.1.1.2. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về NGPVKT*

Trên cơ sở quan điểm đổi mới của Đại hội đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (năm 1986) và Nghị quyết số 13 của Bộ Chính trị (tháng 5/1998), Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 3 (tháng 6/1992) nhấn mạnh “cố gắng khai thông quan hệ với các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế như Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), mở rộng quan hệ với các tổ chức hợp tác khu vực, trước hết ở châu Á - Thái Bình Dương” để tranh thủ mở rộng quan hệ

kinh tế đối ngoại, từng bước phá thế bao vây, cấm vận của phương Tây, tranh thủ viện trợ, đầu tư, mở rộng thị trường.

Nhằm cụ thể hoá đường lối của Đại hội IX, Bộ Chính trị đã ban hành *Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 27/11/2001 về hội nhập kinh tế quốc tế*, trong đó nêu rõ: “Các hoạt động đối ngoại song phương và đa phương cần hướng mạnh vào việc phục vụ đặc lực nhiệm vụ mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế...” [6]. Cùng với đó, *Nghị định số 08/2003/NĐ-CP ngày 10/2/2003 của Chính phủ về hoạt động của CQDD ở nước ngoài phục vụ phát triển kinh tế* là cơ sở để Đại hội X chỉ rõ nhiệm vụ của công tác đối ngoại trong những năm tiếp theo là “đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại, hội nhập sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương, lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất” [41, tr.112-114] và do vậy, *nhiệm vụ NGKT được xác định là ưu tiên hàng đầu của hoạt động đối ngoại*.

Ngày 15/4/2010, Ban Bí thư đã ban hành *Chỉ thị số 41-CT/TW về tăng cường công tác NGKT trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước* với quan điểm chỉ đạo: (i) NGKT là một nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên trong hoạt động đối ngoại... (ii) NGKT phải bám sát chủ trương, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, gắn kết chính trị - ngoại giao với kinh tế, phát huy tối đa quan hệ chính trị thuận lợi và lợi thế ngoại giao phục vụ phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước [132, tr.39].

### *1.1.1.3. Quan điểm của ngành Ngoại giao về ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế qua các Hội nghị Ngoại giao*

Hoạt động ngoại giao phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước được quan tâm và thực hiện từ rất sớm, ngay từ khi cuộc chiến tranh vì độc lập và thống nhất đất nước vẫn còn đang hết sức quyết liệt. Theo thời gian, nhận thức về NGKT ở Việt Nam từng bước được củng cố và phát triển. Điểm nổi bật là hoạt động ngoại giao đã luôn nhận thức, quán triệt được và bám sát những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong từng thời kỳ, kịp thời hướng hoạt động NGKT của đất nước trên cơ sở phát huy những đặc điểm của ngành. Điều này được thể hiện sự tiến triển nhận thức về NGKT qua 30 Hội nghị ngoại giao từ năm 1974 cho đến nay.

Gần đây nhất, ngày 13/8/2018, Hội nghị Ngoại giao lần thứ 30, với chủ đề “*Ngoại giao Việt Nam: Chủ động, sáng tạo, hiệu quả, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XII của Đảng*” đã khẳng định: “Ngoại giao đang tập trung vào sự nghiệp ngoại giao phục vụ phát triển” và “Xác định triển khai mạnh mẽ nhất là NGKT để phục vụ cho phát triển đất nước” [24].

### **1.1.2. Cơ sở thực tiễn**

#### *1.1.2.1. Tình hình thế giới và khu vực*

Tình hình thế giới và khu vực với những đặc điểm và xu thế mới khiến các quốc gia đều phải điều chỉnh chính sách đối ngoại, tìm cách hội nhập ngày càng sâu rộng với khu vực và thế giới vì mục tiêu phát triển. Vì vậy, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã có những điều chỉnh phù hợp để thúc đẩy NGPVKT, ứng phó với tình hình mới, đó là: Sự sụp đổ chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu đầu thập niên 90 của thế kỷ XX; Cuộc cách mạng KHCN và CMCN 4.0; TCH kinh tế phát triển mạnh mẽ; Các nước lớn là nhân tố rất quan trọng đối với sự phát triển của thế giới; Nhân loại đứng trước nhiều vấn đề toàn cầu bức xúc; Tốc độ tăng trưởng kinh tế của CATBD luôn cao gần gấp đôi mức trung bình chung của thế giới; Đông Á hiện nay là một khu vực kinh tế năng động nhất trên thế giới; Các nước ASEAN nổi lên là mô hình hội nhập khu vực thành công nhất.

#### *1.1.2.2. Tình hình Việt Nam*

Sau chiến thắng mùa Xuân năm 1975, Việt Nam thống nhất đất nước nhưng lại rơi vào một tình huống mới, đó là sự cấu kết giữa kẻ thù và đồng minh cũ, khiến nền kinh tế bị bóp nghẹt và cô lập trước cộng đồng quốc tế. Bên cạnh đó, do chủ quan, nóng vội, duy ý chí và sự yếu kém của mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp, Việt Nam rơi vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng. Đời sống nhân dân hết sức khó khăn, trong khi đất nước rơi vào tình thế bị bao vây, cấm vận nặng nề. Trước những khó khăn trong nước, tình hình ngoài nước và xuất phát từ những yêu cầu bức thiết của sự nghiệp cách mạng Việt Nam, Đại hội VI (1986) đã khởi xướng công cuộc Đổi mới toàn diện đất nước, trước hết là đổi mới về kinh tế.

Tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, ĐCS Việt Nam đã mở đầu quá trình cải biến sâu sắc, toàn diện, triệt để mang tầm vóc và ý nghĩa cách mạng. Trong quá trình hơn 30 năm Đổi mới, Việt Nam đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử, đất nước vượt ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu; vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao.

Trong giai đoạn hiện nay, ĐCS Việt Nam xác định rõ, một trong những nhiệm vụ, mục tiêu quan trọng hàng đầu của cách mạng Việt Nam là “*Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại*” [43, tr. 177].

## **1.2. Nội dung của hoạt động ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế ở Việt Nam thời kỳ Đổi mới**

### **1.2.1. Mục tiêu, yêu cầu và phương châm của hoạt động ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế**

\* *Mục tiêu tổng quát của hoạt động NGPVKT là: “Tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế của đất nước, mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư với nước ngoài, phục vụ thiết thực sự nghiệp CNH, HĐH đất nước”* [71, tr. 24-25].

\* *Yêu cầu đối với công tác NGPVKT: Thứ nhất là, đóng góp vào việc xây dựng các chủ trương, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước, tham mưu cho lãnh đạo Đảng và Nhà nước trong điều hành nền kinh tế đất nước, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại; Thứ hai là, góp phần xây dựng thể chế pháp lý cho quan hệ giữa Việt Nam với các nước, hình thành một hệ thống đồng bộ các thỏa thuận, cũng như các hiệp định để làm nền tảng cho mối quan hệ hợp tác quốc tế; Thứ ba là vận động (lobby) ở nước ngoài; Thứ tư là hỗ trợ Bộ, ngành, doanh nghiệp mở rộng thị trường, giải quyết khó khăn trong quan hệ hợp tác với nước ngoài; Thứ năm là, thông tin, tuyên truyền quảng bá hình ảnh Việt Nam với thế giới.*

\* *Về phương châm: Nắm vững chủ trương, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới; Phát huy ưu thế, đặc điểm của ngành ngoại giao để phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế; Không làm, không thể làm thay và không dẫm chân lên các ngành khác; Luôn từ góc độ chính trị ngoại giao để xem xét, xử lý vấn đề; Tăng cường vai trò và trách nhiệm của các CQĐD, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại, tìm kiếm đối tác, mở rộng thị trường, phục vụ và hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong nước trong quan hệ làm ăn với nước ngoài [48].*

### **1.2.2. Nhiệm vụ của công tác ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế**

*Một là, nghiên cứu kinh tế các nước, kinh tế thế giới, khu vực, các tổ chức kinh tế quốc tế và quan hệ kinh tế quốc tế; Hai là, tìm hiểu nhu cầu, khả năng về các mặt của các đối tượng/các nước và các tổ chức quốc tế, khả năng và nhu cầu của các Bộ, ngành trong nước để đề xuất kiến nghị với Chính phủ có chủ trương chính sách làm ăn với từng nước; Ba là, trực tiếp chuẩn bị và tham gia đàm phán, ký kết các loại hiệp định, thỏa thuận chính phủ (song phương, đa phương) giữa Việt Nam với các nước làm nền tảng pháp lý cho quan hệ hợp tác quốc tế phát triển; Bốn là, hỗ trợ các ngành, địa phương và các doanh nghiệp trong việc móc nối, thẩm tra các đối tác, tìm kiếm và mở rộng thị trường; giúp đỡ các doanh nghiệp ở nước ngoài; Năm là, tham gia xây dựng khung pháp lý các văn bản*

pháp quy về kinh tế vĩ mô nói chung và văn bản chuyên ngành, đặc biệt là việc cung cấp gợi ý kinh nghiệm của các nước; *Sáu là*, công tác thông tin, tuyên truyền và tình báo kinh tế; *Bảy là*, tham gia quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại.

### **Tiểu kết Chương 1**

Luận án đã phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn về hoạch định hoạt động NGPVKT ở Việt Nam thời kỳ Đổi mới: Từ khi đất nước tiến hành công cuộc Đổi mới, phát huy truyền thống và những thành tựu đối ngoại trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngoại giao Việt Nam đã chuyển hướng mạnh sang NGPVKT, trong đó nhiệm vụ hàng đầu là tạo môi trường hòa bình, ổn định và điều kiện quốc tế thuận lợi để phát triển kinh tế, lấy việc mở rộng hoạt động kinh tế đối ngoại làm trọng tâm.

Quan điểm của ngành Ngoại giao về NGPVKT được thể hiện qua 30 Hội nghị Ngoại giao từ năm 1957 đến năm 2018. Chủ đề của các Hội nghị luôn bám sát nhiệm vụ cách mạng của ngành Ngoại giao trong từng giai đoạn, nhằm phục vụ đắc lực ba mục tiêu đối ngoại. Bộ Ngoại giao đã tập trung đánh giá tình hình thế giới, kiểm điểm việc thực hiện đường lối đối ngoại, rút ra những bài học kinh nghiệm và xác định phương hướng nhiệm vụ, tổ chức xây dựng ngành để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị. Kết quả thực tế, những năm gần đây, nhận thức về NGKT đã được nâng cao thêm một bước, đặc biệt là về tính cấp bách của công tác NGKT để phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

## **Chương 2**

### **THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG NGOẠI GIAO PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở VIỆT NAM THỜI KỲ ĐỔI MỚI (1986 - 2020)**

Quá trình ngành Ngoại giao triển khai các hoạt động NGPVKT ở Việt Nam từ năm 1986 đến năm 2019 có thể khái quát thành 2 giai đoạn: *Giai đoạn 1986-2003*: giai đoạn Việt Nam tiến hành Đổi mới, hội nhập kinh tế quốc tế; *Giai đoạn 2004-2019*: giai đoạn Việt Nam đẩy mạnh đổi mới toàn diện và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

Với mỗi giai đoạn, Bộ Ngoại giao đã có rất nhiều đóng góp tích cực và hiệu quả trong hoạt động NGPVKT của Việt Nam. Luận án sẽ dẫn chứng những một số trường hợp điển hình (case study) để phân tích và làm rõ vai trò, đóng góp của Bộ Ngoại giao.

#### **2.1. Giai đoạn 1986-2003**

*Giai đoạn 1986-2003 là giai đoạn Việt Nam tiến hành đổi mới và hội nhập kinh tế*

*quốc tế. Hoạt động NGPVKT được ngành Ngoại giao triển khai như sau:*

### **2.1.1. Góp phần hoạch định đường lối đối ngoại**

*Một là*, Bộ Ngoại giao góp phần hoạch định các chủ trương, chính sách kinh tế, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại, hội nhập kinh tế thế giới và khu vực (xây dựng thể chế trong thời kỳ mới), cụ thể: Bộ Ngoại giao đã đóng góp rất quan trọng vào việc hình thành đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, được trình bày trong các văn kiện Đại hội VI, VII, VIII, IX của Đảng và các Nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và của Chính phủ về các nội dung mang tính đường lối, chính sách, trong đó phải kể đến các văn bản mang tính bước ngoặt; đóng góp vào nội dung các nghị quyết, chỉ thị chuyên đề của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ như: về hội nhập kinh tế quốc tế, công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài, về thống nhất quản lý công tác đối ngoại, về quan hệ kinh tế đối ngoại, công tác tuyên truyền và thông tin đối ngoại; góp phần quan trọng vào việc soạn thảo các pháp lệnh, đạo luật liên quan.

*Hai là*, Bộ Ngoại giao đề xuất chủ trương bình thường hóa và thúc đẩy quan hệ với Hoa Kỳ và các nước công nghiệp phát triển, tiến tới gia nhập ASEAN quan hệ hữu nghị các nước ĐNA; đề xuất chủ trương bình thường hóa và thúc đẩy quan hệ với Trung Quốc.

### **2.1.2. Góp phần đẩy lùi chính sách bao vây cấm vận về kinh tế với Việt Nam**

Bộ Ngoại giao đã có những đóng góp đáng kể trong lĩnh vực trọng yếu này, cụ thể: *Một là*, triển khai đẩy lùi chính sách bao vây cấm vận kinh tế qua trường hợp điển hình là việc bình thường hoá quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ; *Hai là*, phá thế bị cấm vận về kinh tế; *Ba là*, tham gia xây dựng và hoàn thiện thể chế trong nước, kể cả các cơ chế xuất nhập cảnh, di trú của người nước ngoài, các chính sách đối với bà con Việt kiều sinh sống ở nước ngoài, hỗ trợ các ngành, địa phương, doanh nghiệp mở rộng hợp tác với nước ngoài, quản lý lao động, bảo vệ quyền lợi chính đáng của công dân và pháp nhân Việt Nam ở nước ngoài.

### **2.1.3. Mở rộng quan hệ song phương, tích cực, chủ động tham gia các thể chế đa phương khu vực, toàn cầu và hội nhập quốc tế**

#### **2.1.3.1. Mở rộng quan hệ song phương**

*Một là*, Bộ Ngoại giao góp phần tích cực trong việc Việt Nam đã đẩy mạnh thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước trên thế giới, cụ thể: Ở châu Á, châu Âu, châu Đại Dương, châu Mỹ, châu Phi.

Hai là, Bộ Ngoại giao góp phần tích cực trong việc thúc đẩy mối quan hệ song phương để phục vụ kinh tế qua trường hợp điển hình Việt - Nga trở thành quan hệ đối tác chiến lược.

#### *2.1.3.2. Tích cực, chủ động tham gia các thể chế đa phương khu vực, toàn cầu và hội nhập quốc tế*

Vai trò của Bộ Ngoại giao trong triển khai quan hệ hợp tác đa phương của Việt Nam để phục vụ kinh tế qua trường hợp điển hình: Việt Nam - ASEAN, Việt Nam - EU, Việt Nam - thành viên tích cực trong ASEM, Việt Nam hội nhập APEC và Việt Nam gia nhập UN. *Thứ nhất là*, gia nhập và thúc đẩy quan hệ hợp tác với các nước ASEAN. *Thứ hai là*, với EU và ASEM; *Thứ ba là*, Việt Nam hội nhập APEC; *Thứ tư là*, Việt Nam gia nhập UN.

#### **2.1.4. Thực hiện tốt công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài**

Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài, công tác vận động đối với người Việt Nam ở nước ngoài luôn được xác định là một nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược trong hệ thống công tác dân vận của Đảng và Nhà nước phục vụ sự nghiệp giải phóng dân tộc trước đây cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay. Bộ Ngoại giao đã phát huy tốt đặc thù và vai trò của ngành để đóng góp vào việc giải quyết những vấn đề liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài; bảo hộ quyền và lợi ích chính đáng của người Việt Nam ở nước ngoài; tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành những chính sách cụ thể đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

## **2.2. Giai đoạn 2004-2020**

*Giai đoạn 2004-2020 là giai đoạn ngành Ngoại giao triển khai thực hiện Nghị định số 08/2003/NĐ-CP ngày 10/2/2003 của Chính phủ về hoạt động của CQDD ở nước ngoài phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế, đẩy mạnh đổi mới toàn diện và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Hoạt động NGPVKT được Bộ Ngoại giao triển khai như sau:*

### **2.2.1. Đóng góp vào đường lối đối ngoại**

Bộ ngoại giao tham gia đóng góp vào đường lối đối ngoại được nêu trong các văn kiện của Đảng và Nhà nước Việt Nam như: Văn kiện Đại hội X (năm 2006), XI (năm 2011) và XII (năm 2016), các Nghị quyết số 28-NQ/TW về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Nghị quyết số 22-NQ/TW về hội nhập quốc tế... ; đóng góp vào nội dung của các văn bản quy phạm pháp luật có tính bước ngoặt trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế của đất nước; tham gia vào việc soạn thảo nhiều văn bản liên quan tới quan hệ kinh tế đối ngoại, đầu tư nước ngoài.

Đồng thời, Bộ Ngoại giao đã chủ trì xây dựng nhiều đề án quan trọng liên quan tới hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước, nhất là duy trì, phát triển quan hệ với các nước lớn, đặc biệt là với Trung Quốc và Hoa Kỳ; thúc đẩy sự hợp tác với ASEAN, tham gia vào tiến trình hình thành Cộng đồng ASEAN vào năm 2015, v.v...

### **2.2.2. Mở rộng, củng cố quan hệ song phương**

*Thứ nhất là*, từ năm 2004 đến nay, Việt Nam đã đẩy mạnh quan hệ ngoại giao với hầu hết tất cả các nước trên thế giới. Tính đến tháng 3/2019, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 189 nước thuộc tất cả châu lục và có quan hệ bình thường với tất cả nước lớn, các Ủy viên thường trực của Hội đồng Bảo an UN.

*Thứ hai là*, Bộ Ngoại giao triển khai củng cố quan hệ đặc biệt quan hệ Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia, Việt Nam - Trung Quốc nâng cấp mối quan hệ lên tầm “Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện” và Việt Nam - Ấn Độ nâng cấp “Đối tác Chiến lược toàn diện” để phục vụ phát triển kinh tế.

### **2.2.3. Triển khai chủ trương hội nhập quốc tế, đẩy mạnh hoạt động trên các diễn đàn đa phương**

*Thứ nhất*, Bộ Ngoại giao có vai trò quan trọng trong triển khai các hoạt động ngoại giao đối với ASEAN, EU, ASEM, APEC, UN, WTO.

*Thứ hai*, Bộ Ngoại giao đã góp phần thúc đẩy ký kết và kết thúc đàm phán FTA song phương, đa phương với các đối tác lớn trên thế giới.

### **2.2.4. Góp phần đẩy mạnh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước**

*Một là*, vai trò của Bộ ngoại giao trong khai thác triệt để mọi nguồn lực phục vụ phát triển đất nước: Vận động chính trị ngoại giao để WB và các đối tác cho Việt Nam được hưởng thời kỳ chuyển tiếp trước khi giải ngân hoàn toàn nguồn vốn vay ưu đãi (IDA); Vận động người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư kinh doanh về quê hương.

*Hai là*, Bộ Ngoại giao ý thức rõ trách nhiệm đóng góp vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

### **2.2.5. Hỗ trợ các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp triển khai và mở rộng hoạt động kinh tế đối ngoại**

Ngành ngoại giao cũng đã góp phần *nâng cao năng lực của các địa phương và doanh nghiệp để hội nhập kinh tế quốc tế* hiệu quả hơn. Đối với địa phương, công tác hỗ trợ được triển khai đa dạng, với nhiều hình thức hoạt động khác nhau như phối hợp tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư; kết nối giữa lãnh đạo địa phương và doanh nghiệp nước ngoài,

ngoại giao đoàn tại Hà Nội; dành cho địa phương cơ hội hiện diện ở nhiều sự kiện đối ngoại lớn; chấp nối hợp tác giữa địa phương Việt Nam và các địa phương nước ngoài.

### ***2.2.6. Công tác thông tin, nghiên cứu, dự báo, tham mưu cho Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương***

CQĐD ở nước ngoài thường xuyên cung cấp: i) Các thông tin cơ bản về tình hình, tiềm năng phát triển kinh tế và cơ hội hợp tác đầu tư với Việt Nam với nước sở tại; ii) Kịp thời thông tin về những thay đổi chính sách, luật lệ liên quan đến kinh tế đối ngoại của nước sở tại và kiến nghị khả năng tranh thủ những thay đổi có lợi cho nước ta; iii) Các thông tin dự báo, cảnh báo về tình hình kinh tế thế giới, khu vực, kinh tế sở tại và về nhiều vấn đề quan trọng khác.

Bên cạnh đó, các CQĐD đã kịp thời thông tin và phối hợp xử lý các vấn đề nảy sinh hoặc tồn tại trong quan hệ kinh tế đối ngoại với nước sở tại; làm đầu mối để dự báo, hỗ trợ giải quyết các tranh chấp thương mại của Việt Nam; góp phần tháo gỡ các vướng mắc giúp duy trì hoạt động đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam.

## **Tiểu kết Chương 2**

Bước vào thời kỳ Đổi mới, ngành Ngoại giao đã phối hợp với các bộ, ngành và địa phương đẩy mạnh hoạt động NGKT để phục vụ phát triển đất nước.

Từ năm 1986 đến năm 2003, các hoạt động NGPVKT của Bộ Ngoại giao đã góp phần hoạch định đường lối đối ngoại, các chủ trương, chính sách kinh tế đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại, hội nhập kinh tế thế giới và khu vực (và xây dựng thể chế trong thời kỳ mới). Đẩy lùi chính sách bao vây cấm vận về kinh tế với Việt Nam. Mở rộng quan hệ song phương và tích cực, chủ động tham gia các thể chế đa phương khu vực và toàn cầu; Thực hiện tốt công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài. Trong giai đoạn này, công tác NGPVKT từ lúc còn nhận thức sơ khai, theo thời gian đã được Đảng và Nhà nước Việt Nam coi trọng, đẩy mạnh và có nhiều chuyển biến tích cực trong cả nhận thức, hoạt động và từng bước hoàn thiện cơ sở pháp lý. Bộ Ngoại giao đã cùng với các bộ, ngành đi tiên phong trong việc khai thông thị trường cho xuất nhập khẩu, vận động sự hỗ trợ và các nguồn vốn đầu tư quốc tế. Từ chỗ bị bao vây, cấm vận, Việt Nam đã hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới, vị thế và uy tín ngày càng được nâng cao, được cộng đồng quốc tế nhiều năm liền đánh giá là điểm đến đầu tư hấp dẫn và tin cậy. Tuy còn nhiều việc cần làm, nhưng ngành ngoại giao đã tạo nền tảng vững chắc để đưa hoạt động phục vụ phát triển kinh tế bước sang một giai đoạn mới.

Từ năm 2004 đến năm 2019, các hoạt động NGPVKT của ngành Ngoại giao với phương châm “đột phá - mở đường, tham mưu - thông tin, song hành - hỗ trợ, đôn đốc triển khai”, đã góp phần quan trọng, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước. Bên cạnh việc đồng hành, phối hợp các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế về kinh tế - thương mại - đầu tư, Bộ Ngoại giao đã chỉ đạo các CQĐD tăng cường thông tin, nghiên cứu để kịp thời tham mưu cho Chính phủ trong chỉ đạo, điều hành vĩ mô, lựa chọn các giải pháp hiệu quả để khắc phục các khó khăn kinh tế, thu hút ODA, FDI.

Trong suốt những giai đoạn thăng trầm của lịch sử kể từ khi thành lập nước, đặc biệt từ sau đổi mới đến nay, ngành ngoại giao luôn sát cánh cùng các cấp, các ngành trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Một trong những lĩnh vực mà sự gắn bó này được thể hiện sâu sắc, hiệu quả, qua đó đóng góp thiết thực cho sự nghiệp phát triển đất nước là kinh tế đối ngoại.

**Chương 3****ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG NGOẠI GIAO  
PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở VIỆT NAM THỜI KỲ ĐỔI MỚI  
VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY ĐẾN NĂM 2030****3.1. Đánh giá về hoạt động ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế ở Việt Nam từ năm 1986 đến năm 2020**

Từ thực trạng về hoạt động NGPVKT thời kỳ Đổi mới, có thể rút ra một số nhận xét sau: *Thứ nhất là*, trong bối cảnh các nước cạnh tranh gay gắt, việc Bộ Ngoại giao kiến nghị chính sách đối ngoại phù hợp và thực hiện công tác đối ngoại mềm dẻo, linh hoạt đã thực sự góp phần tạo điều kiện thuận lợi để Việt Nam tranh thủ được các nguồn lực bên ngoài cho phát triển kinh tế. *Thứ hai là*, NGKT đã gắn kết có hiệu quả chính trị đối ngoại với kinh tế đối ngoại, tăng thế và lực của đất nước, tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho phát triển kinh tế đất nước, cụ thể: Đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 189 nước, với mạng lưới 30 đối tác chiến lược và đối tác toàn diện. *Thứ ba là*, Bộ Ngoại giao và các CQDD ở nước ngoài ngày càng chủ động, tích cực tham gia, hỗ trợ, đóng vai trò là “cầu nối” cho các hoạt động xúc tiến kinh tế đối ngoại của các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp, góp phần giữ vững, mở rộng thị trường xuất khẩu truyền thống, khai thông thị trường mới cho lao động, hàng hoá và dịch vụ của Việt Nam, tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và khách du lịch vào Việt Nam tạo ra những thành tựu mới về kinh tế đối ngoại. *Thứ tư là*, hoạt động NGKT cũng góp phần đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực và thu hút vốn đầu tư của kiều bào là một bộ phận rất quan trọng. *Thứ Năm là*, tổ chức thực hiện công tác NGKT ngày càng đi vào nề nếp.

Tuy nhiên, trước những đòi hỏi ngày càng cao của công tác kinh tế đối ngoại trong tình hình mới, công tác NGKT trong thời kỳ hội nhập sâu, toàn diện của đất nước cũng bộc lộ một số *hạn chế, khó khăn do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, cần sớm khắc phục*, đó là: *Một là*, hoạt động trên các diễn đàn và thể chế đa phương chưa được tiến hành trong một chiến lược tổng thể, chặt chẽ, nhịp nhàng giữa các ngành và trên các lĩnh vực; *Hai là*, sự chuyển biến về nhận thức và hành động ở các CQDD ở nước ngoài chưa thật sự đồng đều, toàn diện; *Ba là*, mức độ sâu sắc trong hợp tác kinh tế với nhiều mối quan hệ còn hạn chế, chưa vận dụng hiệu quả các “công cụ mặc cả” về kinh tế phục vụ an ninh và phát triển đất nước; *Bốn là*, mức độ thực chất trong nhiều hoạt động quảng bá, xúc tiến kinh tế đối ngoại còn chưa cao, chỉ tập trung ở một số địa

bàn lớn, trọng điểm và lệ thuộc khá nhiều vào sự “năng nổ” của từng Trưởng CQĐĐ ở nước ngoài và cán bộ ngoại giao tại địa bàn; *Năm là*, sự phối hợp các bộ, ngành, địa phương có cải thiện, song vẫn chưa thực sự thông suốt; *Sáu là*, công tác nghiên cứu, đánh giá và dự báo chiến lược còn chưa được quan tâm thỏa đáng; công tác phổ biến thông tin, kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế chưa thật sâu, rộng ở tất cả các cấp từ trung ương đến địa phương và cả trong cộng đồng doanh nghiệp; *Bảy là*, chất lượng, hiệu quả của các hoạt động văn hóa, thông tin và tuyên truyền đối ngoại chưa được như mong đợi; nhân lực, tài lực cho lĩnh vực này còn nhiều hạn chế, bất cập; sự phối hợp giữa các ngành chưa thật nhịp nhàng, chặt chẽ; *Tám là*, việc sử dụng các lợi ích và sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế phục vụ cho mục tiêu đối ngoại - an ninh còn hạn chế, chưa được chú trọng và triển khai bài bản; *Chín là*, Khó khăn lớn nhất hiện nay là việc xây dựng đội ngũ cán bộ của ngành ngoại giao và cải tiến tổ chức bộ máy của các CQĐĐ ở nước ngoài để phục vụ tốt hơn công tác NGPVKT.

### **3.2. Định hướng và giải pháp thúc đẩy hoạt động ngoại giao phát triển kinh tế ở Việt Nam đến năm 2030**

#### **3.2.1. Tình hình thế giới, khu vực và trong nước đến năm 2030**

##### *3.2.1.1. Tình hình thế giới và khu vực*

Kinh tế thế giới được dự báo tiếp tục chuyển biến nhanh, khó lường, nhiều mặt phức tạp hơn, với đặc điểm: Cán cân kinh tế thế giới chuyển dịch về châu Á trở thành xu hướng, vai trò các nền kinh tế mới nổi gia tăng. Trung Quốc trỗi dậy mạnh mẽ, nỗ lực bám sát Hoa Kỳ về kinh tế, quân sự và công nghệ. Cục diện kinh tế thế giới “đa cực” ngày càng hiện rõ; các trung tâm kinh tế lớn như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, EU, BRICS... thiết lập các thiết chế kinh tế mới, tập hợp lực lượng, tranh giành ảnh hưởng, gia tăng cọ xát, nhưng vẫn vừa hợp tác vừa đấu tranh. Điều chỉnh chính sách ở các nước lớn cùng CMCN 4.0 tác động trực tiếp tới toàn cầu hóa kinh tế khiến xây dựng các “luật chơi” mới ngày càng trở thành nhu cầu bức thiết; Căng thẳng thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc đang đẩy lên lo ngại về chiến tranh thương mại toàn cầu. Cọ xát, va chạm thương mại sẽ tiếp tục kéo dài, lặp đi lặp lại<sup>1</sup>; Đến năm 2030, cuộc cách mạng KHCN phát triển lên một nấc thang mới với nền tảng là “kết nối internet vạn vật”, tự động hóa và trí tuệ nhân tạo<sup>2</sup> sẽ làm biến đổi sâu sắc mọi lĩnh vực trong đời sống quốc tế, trước hết là phương thức sản xuất, kinh doanh và thương mại, đặt ra yêu cầu mới đối

<sup>1</sup> Đây thực chất là biểu hiện của cạnh tranh chiến lược về chính trị, kinh tế, công nghệ, trong đó Hoa Kỳ cố gắng sử dụng mọi công cụ để kiềm chế Trung Quốc.

<sup>2</sup> Tốc độ thay đổi chưa từng có: 10 năm kế tiếp bằng 50 năm qua.

với tất cả các quốc gia trong đó có Việt Nam; Hòa bình, hợp tác để phát triển ở cấp độ toàn cầu tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho tiến trình khôi phục, cải cách và liên kết kinh tế quốc tế, nhưng tiến trình này vẫn chịu tác động tiêu cực từ những cuộc xung đột, khủng hoảng cục bộ, những bất ổn chính trị ở các khu vực; Quá trình thế giới chuyển sang một cục diện đa cực sẽ tiếp tục với nhiều khúc quanh.

Khu vực CATBD sẽ phải đối mặt với hai thách thức rất lớn: *Thứ nhất*, lòng tin chính trị giữa các nước bị thách thức bởi những vấn đề tranh chấp lãnh thổ, biển đảo và sự cạnh tranh quyền lực giữa các nước lớn; *Thứ hai*, căng thẳng thường xuyên và nguy cơ xung đột cục bộ có thể gia tăng do thiếu những cơ chế hợp tác chính trị - an ninh đủ mạnh để có thể quản lý hiệu quả các tranh chấp; Tuy nhiên, xu hướng liên kết, hội nhập khu vực, nhất là trong lĩnh vực kinh tế, có thể có tác động tới hội nhập trong lĩnh vực chính trị - an ninh theo hướng tạo đan xen lợi ích, qua đó thúc đẩy hợp tác và giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, trên cơ sở luật pháp quốc tế; ASEAN đứng trước những thách thức lớn hơn giai đoạn trước, nguyên tắc đồng thuận có thể không đạt được trong một số vấn đề, lĩnh vực; quan hệ của ASEAN với các đối tác bên ngoài, nhất là các nước lớn có thể phức tạp hơn.

### 3.2.1.2. Tình hình trong nước

Sau hơn 30 năm đổi mới, thế, lực và uy tín quốc tế của đất nước đã được tăng cường. Việt Nam có tiền đề vật chất và tinh thần quan trọng để tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, hội nhập sâu hơn vào đời sống kinh tế xã hội quốc tế, bước lên những bậc thang cao hơn trong mạng sản xuất, chuỗi giá trị toàn cầu. Giai đoạn này có ý nghĩa rất quan trọng đối với 15 năm phát triển tiếp theo (2020-2035) của Việt Nam.

Trong 5 đến 10 năm tiếp theo, Việt Nam phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức mới, đó là: việc thực hiện các cam kết hội nhập quốc tế, nhất là với các FTA thế hệ mới trong điều kiện khó khăn thử thách lớn hơn; không còn cơ hội nhận IDA; ODA sẽ giảm mạnh do Việt Nam đã trở thành quốc gia có thu nhập trung bình; Giai đoạn 2020-2035 là giai đoạn nhiều khoản nợ của Việt Nam đến thời điểm trả nợ; những tồn tại của hơn 30 năm đổi mới nếu không được giải quyết sẽ làm suy giảm hiệu quả hội nhập và phát triển đất nước.

### 3.2.2. Định hướng triển khai ngoại giao kinh tế đến năm 2030

\* *Về mục tiêu NGKT*: mục tiêu của NGKT là chủ động tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH.

\* *Tư tưởng chỉ đạo:* i) NGPVKT là một nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên trong hoạt động đối ngoại; ii) NGPVKT phải bám sát chủ trương, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, gắn kết chính trị - ngoại giao với kinh tế, phát huy tối đa quan hệ chính trị thuận lợi và lợi thế ngoại giao phục vụ phát triển và hội nhập quốc tế; iii) NGPVKT cần đóng vai trò là một công cụ hữu hiệu đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững, xác lập vị thế của Việt Nam trên tầm cao mới trong thế giới và cộng đồng quốc tế.

\* *Phương hướng:* i) Tập trung ổn định an ninh và phát triển đất nước, trong đó có việc phát triển kinh tế; ii) lấy tính gắn kết, tác động qua lại giữa nhân tố, lợi ích kinh tế và nhân tố, lợi ích chính trị để tạo đà cho hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế của Việt Nam có sự uyển chuyển, linh hoạt và hiệu quả cao hơn; iii) Ngoại giao Việt Nam cần quan tâm đúng mức và kịp thời mới xứng tầm của giai đoạn mới.

\* *Nhiệm vụ của công tác ngoại giao phát triển kinh tế trong thời gian tới là:* i) nghiên cứu, xây dựng đường lối đối ngoại trong tình hình mới; ii) đặt phát triển ở vị trí trung tâm, đẩy mạnh NGKT, gắn hơn với nhu cầu của người dân, doanh nghiệp và các địa phương; iii) xác định các định hướng và bước đi cụ thể cho các vấn đề đối ngoại lớn của đất nước nhằm tiếp tục giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và thuận lợi cho phát triển; iv) nâng tầm ngoại giao đa phương, trong đó hiện thực hóa vai trò nòng cốt, dẫn dắt và hòa giải của ngoại giao theo Chỉ thị của Ban Bí thư về nâng tầm đối ngoại đa phương, chuẩn bị cho việc đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN và ứng cử vào Hội đồng Bảo an UN; v) xây dựng nền ngoại giao từng bước hiện đại, theo đó sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, đổi mới hơn nữa công tác cán bộ theo hướng hiện đại [111].

### **3.2.3. Các giải pháp thúc đẩy hoạt động ngoại giao phát triển kinh tế đến năm 2030**

Trong thời kỳ đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước, nhằm ứng phó với những tác động không thuận, tranh thủ những cơ hội mới trong xu thế phát triển của kinh tế thế giới và triển khai hiệu quả công tác NGPVKT theo chủ trương, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước Việt Nam, từ góc độ người làm công tác trong ngành Ngoại giao, tác giả xin đề xuất một số giải pháp chủ yếu sau: *Một là*, cần phải tiếp tục củng cố bộ máy tổ chức và sự phối hợp của các CQĐD ở nước ngoài; *Hai là*, tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy phục vụ kinh tế trong Bộ Ngoại giao; *Ba là*, coi trọng công tác cán bộ, qua đó tạo bước chuyển biến mới trong nhận thức và thực hiện nhiệm vụ phục vụ NGKT; *Bốn là*, thúc đẩy việc sử dụng có hiệu quả “Quỹ hỗ trợ các hoạt động NGPVKT” vào hoạt động NGKT; *Năm là*, hoàn thiện/điều chỉnh phù hợp cơ chế phối

hợp với các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp; *Sáu là*, cần tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của CQDD trong thời đại CMCN 4.0; *Bảy là*, tiếp tục hoàn thiện quy chế về thi đua-khen thưởng trong công tác NGPVKT; *Tám là*, chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành (Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động Thương Binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,...) tổ chức thành lập Văn phòng Kinh tế Việt Nam tại một số địa bàn chủ chốt.

### **Tiểu kết Chương 3**

Bối cảnh tình hình thế giới, khu vực và tình hình trong nước từ nay đến năm 2030 sẽ vừa là thời cơ, nhưng cũng có những thách thức đối với ngoại giao phục vụ phát triển đất nước. Do đó, *nhiệm vụ trọng tâm của ngành Ngoại giao trong thời gian tới* là: i) nghiên cứu, xây dựng đường lối đối ngoại trong tình hình mới; ii) đặt phát triển ở vị trí trung tâm, đẩy mạnh ngoại giao phục vụ phát triển, gắn hơn với nhu cầu của người dân, doanh nghiệp và các địa phương; iii) xác định các định hướng và bước đi cụ thể cho các vấn đề đối ngoại lớn của đất nước nhằm tiếp tục giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và thuận lợi cho phát triển; iv) nâng tầm ngoại giao đa phương, trong đó hiện thực hóa vai trò nòng cốt, dẫn dắt và hòa giải của ngoại giao theo Chỉ thị của Ban Bí thư về nâng tầm đối ngoại đa phương, chuẩn bị cho việc đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN và Hội đồng Bảo an không thường trực của UN; vi) xây dựng nền ngoại giao từng bước hiện đại, theo đó sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, đổi mới hơn nữa công tác cán bộ theo hướng hiện đại...[111].

Để ngoại giao phục vụ cho sự phát triển kinh tế thì cần thực hiện đồng bộ nhiều *giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động ngoại giao trên các trụ cột*: Chính trị - Kinh tế và ngoại giao đa phương, biên giới lãnh thổ, văn hóa, thông tin đối ngoại, công tác người Việt Nam ở nước ngoài và bảo hộ công dân.

### **KẾT LUẬN**

Thời gian qua các nước trên thế giới đã xây dựng một nền ngoại giao lấy nội dung phục vụ phát triển kinh tế làm trọng tâm trong các hoạt động đối ngoại. Trong bối cảnh tình hình thế giới biến động nhanh và phức tạp như hiện nay, ngoại giao Việt Nam dứt khoát phải đi đầu, giữ vững được môi trường hòa bình, ổn định, để không những phát huy được nội lực trong nước mà còn tranh thủ các nguồn lực từ bên ngoài để phục vụ tốt nhất cho sự phát triển đất nước; vì vậy ở Việt Nam, NGKT đã và đang trở thành một yêu

cầu cấp thiết, một nhiệm vụ NGKT đã và đang trở thành một yêu cầu cấp thiết, một nhiệm vụ quan trọng đã được Đảng và Nhà nước Việt Nam đã nhiều lần nhấn mạnh yêu cầu phải gắn kết chính trị đối ngoại với kinh tế đối ngoại, gắn ngoại giao với kinh tế. Nội dung của hoạt động NGKT được xác định là: Tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho kinh tế đối ngoại thông qua việc kiến tạo, duy trì khuôn khổ pháp lý song phương và đa phương; Nghiên cứu, cung cấp thông tin và cơ hội hợp tác kinh tế; Tham gia các hoạt động kinh tế ở tầm vĩ mô như thu hút FDI, ODA hay tìm thị trường xuất khẩu...; Giúp các địa phương, các doanh nghiệp thiết lập quan hệ kinh tế với đối tác nước ngoài; Tạo điều kiện để người Việt Nam ở nước ngoài đóng góp về nước; Bảo vệ lợi ích kinh tế của Nhà nước, bảo hộ quyền và lợi ích chính đáng của công dân và pháp nhân Việt Nam ở nước ngoài...

NGKT trong thời kỳ Đổi mới ngày càng hoàn chỉnh, thể hiện trên những khía cạnh sau đây: NGKT đã và đang bắt đầu bám rễ vào mọi hoạt động đối ngoại cũng như tâm thức và hành động của mọi cán bộ ngoại giao; Sự liên kết giữa ba cột trụ ngoại giao chính trị, NGKT và ngoại giao văn hóa đã phát huy hiệu quả và đang được thực hiện nhuần nhuyễn; Sự phối hợp nhịp nhàng giữa ngoại giao đa phương và song phương đã tạo ra kết quả cụ thể về kinh tế cho sự phát triển đất nước; Sự hợp tác liên ngành, đa ngành trong triển khai hoạt động kinh tế đối ngoại đã được chú trọng, tạo ra sức mạnh tổng lực. Những kết quả đạt được tuy còn khiêm tốn, nhưng đã tạo tiền đề quan trọng để Bộ Ngoại giao tiếp tục triển khai mạnh mẽ, nâng cao hiệu quả công tác NGKT, góp phần tích cực vào việc thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

Trong thời gian tới, trước bối cảnh mới của thế giới, khu vực và trong nước, ngành Ngoại giao sẽ tập trung triển khai công tác NGPVKT theo các định hướng sau: *Một là*, đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu, tham mưu, thông tin về kinh tế cho Chính phủ và các cấp, các ngành, tập trung vào nghiên cứu tình hình, triển vọng kinh tế thế giới và những tác động tới Việt Nam; *Hai là*, làm sâu sắc nội hàm kinh tế, thương mại trong hợp tác với các đối tác chiến lược; tăng cường tạo dựng lợi ích kinh tế đan xen, góp phần tạo nền tảng làm sâu sắc quan hệ của với các đối tác, đặc biệt là với các đối tác chiến lược và có tầm chiến lược; đột phá các lĩnh vực mới, mở đường, thúc đẩy quan với các đối tác tiềm năng cho thương mại, đầu tư...; *Ba là*, tăng cường công tác phối hợp, hỗ trợ các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp mở rộng các hoạt động kinh tế đối ngoại, tham gia vào tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế; Phòng ngừa và xử lý các tranh chấp thương mại; Hỗ trợ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài phát

triển và đóng góp vào sự phát triển của đất nước; *Bốn là*, phát huy vai trò, vị thế của Việt Nam thông qua tích cực đóng góp cho hợp tác trong các khuôn khổ đa phương, khu vực, tiểu khu vực và tiểu vùng; phát huy vai trò vận động chính trị, ngoại giao hỗ trợ tích cực các hoạt động kinh tế đối ngoại; vận động mạnh các đối tác sớm công nhận kinh tế thị trường cho Việt Nam; *Năm là*, tiếp tục củng cố và hoàn thiện cơ chế phối hợp triển khai công tác NGKT.

Để công tác NGKT theo định hướng trên, công tác NGPVKT cần được đẩy mạnh một cách quyết liệt, tập trung mọi nguồn lực vào các trọng tâm ưu tiên và ngành ngoại giao cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp thúc đẩy hoạt động NGPVKT cụ thể là: *Về mặt nhận thức*, cần xác định rõ hơn chức năng và nhiệm vụ của cơ quan ngoại giao trong quản lý nhà nước đối với các hoạt động kinh tế đối ngoại, mối quan hệ giữa Bộ Ngoại giao với Ủy ban quốc gia về hội nhập kinh tế quốc tế, với các Bộ, ngành hữu quan khác. Đặc biệt cần nâng cao nhận thức đối với yêu cầu tăng cường vai trò và trách nhiệm của các CQĐD trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại trong tình hình mới; *Thứ hai*, tiếp tục gắn kết nhuần nhuyễn ba trụ cột chính trị đối ngoại, kinh tế đối ngoại và văn hóa đối ngoại, phục vụ phát triển kinh tế; *Thứ ba*, về xử lý mối quan hệ với các nước lớn, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai Ngoại giao phục vụ phát triển; *Thứ tư*, tăng cường hoạt động NGKT đa phương trong các tổ chức quốc tế, các diễn đàn, cơ chế hợp tác đa phương, tiểu khu vực và khu vực; *Thứ năm*, ngành Ngoại giao cần tiếp tục phát huy vai trò, thế mạnh đặc thù để tham mưu, tư vấn, thông tin cho các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp trong một số lĩnh vực cụ thể; *Thứ sáu*, tiếp tục đẩy mạnh công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài góp phần xây dựng đất nước; *Thứ bảy*, tiếp tục gắn kết nhuần nhuyễn ba trụ cột chính trị đối ngoại, kinh tế đối ngoại và văn hóa đối ngoại, để tạo sức mạnh tổng hợp của ngành Ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế; *Thứ tám*, cần tham khảo, học tập kinh nghiệm từ những mô hình NGKT đã thành công của các nước trong khu vực và trên thế giới để phương án tổ chức thành lập các mô hình Văn phòng Kinh tế Việt Nam tại một số địa bàn chủ chốt; *Thứ chín*, tăng cường năng lực bộ máy tổ chức và nguồn lực thực hiện công tác NGPVKT.

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được, ngành Ngoại giao sẽ nỗ lực phối hợp với các cấp, các ngành nâng cao hiệu quả công tác NGPVKT nhằm góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và các đường lối, chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước hướng tới mục tiêu CNH, HĐH đất nước.

## **DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ**

### **Công trình khoa học:**

1. Nguyễn Thị Quế - Nguyễn Minh Đức, *Hoạt động thông tin đối ngoại của Hàn Quốc hiện nay*, Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông, số ra tháng 11/2016.
2. Nguyễn Minh Đức, *Một số hướng ưu tiên trong quan hệ Việt Nam - Ấn Độ đến năm 2020*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Việt Nam - Ấn Độ: Bối cảnh mới, tầm nhìn mới, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Nxb Lý luận chính trị, H.2016.
3. Nguyễn Thị Thúy - Nguyễn Minh Đức, *Nhìn lại hoạt động ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế đất nước giai đoạn 2011-2019*, Nxb Lý luận chính trị, số 8-2019.
4. Nguyễn Thị Quế - Nguyễn Minh Đức, *Quan điểm của Đảng về ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế thời kỳ Đổi mới*, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 8-2019.
5. Nguyễn Thị Quế - Nguyễn Minh Đức, *Sự tiến triển trong nhận thức về ngoại giao Việt Nam phục vụ phát triển kinh tế qua 30 hội nghị ngoại giao*, Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, số 1-2020.
6. Nguyễn Thị Quế - Nguyễn Minh Đức, *Thành tựu trong hoạt động ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế ở Việt Nam thời kỳ đổi mới*, Tạp chí Lý luận chính trị & Truyền thông, số 1-2020.

### **Cộng tác viên biên soạn sách:**

7. Nguyễn Thị Quế, Mai Hoài Anh và Nguyễn Thị Minh Thảo (Đồng chủ biên), *Mô thức quan giữa Đảng cầm quyền với Nhà nước ở một số quốc gia trên thế giới*, Nxb.Lý luận chính trị, H.2018.
8. Nguyễn Văn Lan (Chủ biên), *Việt Nam – Hàn Quốc: 25 năm hợp tác, phát triển (1992-2017) và triển vọng đến năm 2022*, Nxb.Chính trị quốc gia sự thật, H.2019.
9. Nguyễn Thị Quế, Mai Hoài Anh và Nguyễn Thị Minh Thảo (Đồng chủ biên), *Sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn đối với tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng những năm đầu thế kỷ XXI và đối sách của Việt Nam*, Nxb Lý luận chính trị, H.2019.